

Số: 193 /QĐ-ĐHKT-SĐH

Hà Nội, ngày 8 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận học viên cao học đợt 2 Khóa 2021 - 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 181-CP ngày 17/9/1969 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiến trúc;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-BXD ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội; Quyết định số 723/QĐ-BXD ngày 17/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Quyết định số 88/QĐ-BXD ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-ĐHKT-SĐH ngày 21/12/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 173 /QĐ-ĐHKT-SĐH ngày 14 / 10 /2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội về việc công nhận thí sinh trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2021 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Xét đề nghị của Trường khoa Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận thí sinh trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2021 của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội đã làm thủ tục nhập học là học viên cao học các chuyên ngành đợt 2 khóa 2021 - 2023 (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Khoa Sau đại học tổ chức các lớp học, xây dựng kế hoạch đào tạo các chuyên ngành đợt 2 khóa 2021 - 2023 theo Quy chế và Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

Điều 3: Trường khoa Sau đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT; SĐH.



*PCB-TS.KTS: Lê Quân

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

DANH SÁCH CÔNG NHẬN HỌC VIÊN ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2021

Khóa 2021-2023 đào tạo tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Kèm theo Quyết định số 193 Ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Công Bằng	Nam	05/07/1996	Kiến trúc	
2	Trần Ngọc Đăng	Nam	09/02/1998	Kiến trúc	
3	Nguyễn Văn Đoàn	Nam	25/08/1997	Kiến trúc	
4	Hoàng Trung Đông	Nam	15/12/1998	Kiến trúc	
5	Trần Khánh Đức	Nam	20/10/1998	Kiến trúc	
6	Phạm Thế Dũng	Nam	18/10/1983	Kiến trúc	
7	Nguyễn Hữu Hải	Nam	11/12/1994	Kiến trúc	
8	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	03/12/1997	Kiến trúc	
9	Trần Trung Hiếu	Nam	08/03/1995	Kiến trúc	
10	Đinh Nhật Hoàng	Nam	03/06/1994	Kiến trúc	
11	Hoàng Phi Hùng	Nam	03/09/1994	Kiến trúc	
12	Trần Quốc Huy	Nam	08/06/1979	Kiến trúc	
13	Nghiêm Bảo Khánh	Nam	21/05/1998	Kiến trúc	
14	Nguyễn Thế Kiên	Nam	27/02/1997	Kiến trúc	
15	Bùi Thị Ngọc Lâm	Nữ	31/01/1998	Kiến trúc	
16	Nguyễn Hà Linh	Nam	10/12/1996	Kiến trúc	
17	Nguyễn Văn Linh	Nam	02/10/1995	Kiến trúc	
18	Nguyễn Văn Nhất	Nam	16/07/1991	Kiến trúc	
19	Mai Tiến Phong	Nam	07/09/1979	Kiến trúc	
20	Lê Bá Thái Quyền	Nam	18/10/1998	Kiến trúc	
21	Nguyễn Văn Thành	Nam	19/05/1994	Kiến trúc	
22	Nguyễn Ngọc Thu Thảo	Nữ	18/12/1998	Kiến trúc	
23	Phan Đình Trọng	Nam	27/07/1998	Kiến trúc	
24	Hà Minh Tuấn	Nam	14/12/1997	Kiến trúc	
25	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	11/09/1995	Kiến trúc	
26	Phạm Đức Anh	Nam	20/08/1998	Quy hoạch vùng và đô thị	
27	Trương Thị Thanh Diễm	Nữ	06/12/1998	Quy hoạch vùng và đô thị	
28	Lê Ngọc Hiếu	Nam	17/08/1998	Quy hoạch vùng và đô thị	
29	Nguyễn Sĩ Hiếu	Nam	12/11/1998	Quy hoạch vùng và đô thị	
30	Trần Thị Thu Hương	Nữ	22/02/1998	Quy hoạch vùng và đô thị	
31	Trần Thuý Linh	Nữ	21/01/1996	Quy hoạch vùng và đô thị	
32	Trần Đức Minh	Nam	11/05/1998	Quy hoạch vùng và đô thị	
33	Nguyễn Hằng Nga	Nữ	05/10/1998	Quy hoạch vùng và đô thị	
34	Lưu Đức Quang	Nam	09/01/1998	Quy hoạch vùng và đô thị	
35	Nguyễn Ngọc Sơn	Nam	26/06/1993	Quy hoạch vùng và đô thị	
36	Hoàng Lê Trung	Nam	17/11/1995	Quy hoạch vùng và đô thị	
37	Phạm Đình Biền	Nam	16/11/1981	Quản lý đô thị và công trình	
38	Đỗ Xuân Đạt	Nam	07/06/1998	Quản lý đô thị và công trình	
39	Phạm Tuấn Đạt	Nam	21/03/1998	Quản lý đô thị và công trình	
40	Bùi Mỹ Đức	Nam	25/08/1998	Quản lý đô thị và công trình	
41	Phạm Kiên Đức	Nam	18/02/1998	Quản lý đô thị và công trình	
42	Tổng Minh Đức	Nam	01/12/1994	Quản lý đô thị và công trình	
43	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	04/11/1998	Quản lý đô thị và công trình	
44	Trần Ngọc Dũng	Nam	15/09/1998	Quản lý đô thị và công trình	

45	Trần Việt	Dũng	Nam	31/03/1990	Quản lý đô thị và công trình	
46	Lâm Hoàng	Hải	Nam	24/02/1998	Quản lý đô thị và công trình	
47	Vũ Minh	Hải	Nam	29/05/1997	Quản lý đô thị và công trình	
48	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	09/02/1983	Quản lý đô thị và công trình	
49	Nguyễn Quang	Hiền	Nam	26/10/1998	Quản lý đô thị và công trình	
50	Vì Thái	Hoàn	Nam	20/08/1979	Quản lý đô thị và công trình	
51	Trần Lê Huy	Hoàng	Nam	15/10/1998	Quản lý đô thị và công trình	
52	Lê Thu	Hồng	Nữ	08/09/1997	Quản lý đô thị và công trình	
53	Nguyễn Thị Như	Huế	Nữ	17/04/1998	Quản lý đô thị và công trình	
54	Nguyễn Trần Quốc	Hùng	Nam	07/10/1996	Quản lý đô thị và công trình	
55	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	03/12/1998	Quản lý đô thị và công trình	
56	Vũ Thị	Huyền	Nữ	26/05/1997	Quản lý đô thị và công trình	
57	Mai Trung	Kiên	Nam	18/12/1998	Quản lý đô thị và công trình	
58	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	17/10/1998	Quản lý đô thị và công trình	
59	Hoàng Thị	Liên	Nữ	10/02/1988	Quản lý đô thị và công trình	
60	Mai Văn	Mạnh	Nam	09/07/1997	Quản lý đô thị và công trình	
61	Nguyễn	Minh	Nam	25/10/1995	Quản lý đô thị và công trình	
62	Trần Ngọc	Minh	Nữ	26/09/1998	Quản lý đô thị và công trình	
63	Trần Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	16/08/1981	Quản lý đô thị và công trình	
64	Trần Vượng	Phúc	Nam	05/05/1995	Quản lý đô thị và công trình	
65	Phạm Thúy	Quỳnh	Nữ	26/09/1996	Quản lý đô thị và công trình	
66	Hồ Chí	Son	Nam	18/03/1984	Quản lý đô thị và công trình	
67	Lê Minh	Son	Nam	18/09/1997	Quản lý đô thị và công trình	
68	Tạ Thị Thu	Thảo	Nữ	06/05/1998	Quản lý đô thị và công trình	
69	Nguyễn Xuân	Thủy	Nam	18/09/1985	Quản lý đô thị và công trình	
70	Nguyễn Văn	Trí	Nam	15/11/1997	Quản lý đô thị và công trình	
71	Nguyễn Hữu	Triều	Nam	20/02/1996	Quản lý đô thị và công trình	
72	Hoàng Lê	Trung	Nam	25/11/1997	Quản lý đô thị và công trình	
73	Phạm Hà	Trung	Nam	15/04/1996	Quản lý đô thị và công trình	
74	Hoàng Anh	Tú	Nam	09/11/1998	Quản lý đô thị và công trình	
75	Lê Văn	Tường	Nam	30/12/1982	Quản lý đô thị và công trình	
76	Phạm Trường	Vũ	Nam	20/04/1998	Quản lý đô thị và công trình	
77	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	11/10/1998	Kỹ thuật xây dựng	
78	Tạ Thị Ngọc	Anh	Nữ	12/10/1993	Kỹ thuật xây dựng	
79	Vũ Quốc	Đạt	Nam	21/08/1993	Kỹ thuật xây dựng	
80	Tạ Quang	Nhật	Nam	05/10/1997	Kỹ thuật xây dựng	
81	Nguyễn Trung	Son	Nam	05/10/1997	Kỹ thuật xây dựng	
82	Cao Minh	Tâm	Nam	01/04/1998	Kỹ thuật xây dựng	
83	Phan Công	Thành	Nam	08/05/1998	Kỹ thuật xây dựng	
84	Tạ Văn	Thao	Nam	12/07/1973	Kỹ thuật xây dựng	
85	Phạm Đình	Thịnh	Nam	07/04/1996	Kỹ thuật xây dựng	
86	Nguyễn Sơn	Thùy	Nam	29/08/1998	Kỹ thuật xây dựng	

Tổng số: 86 thí sinh

Trong đó:

- Kiến trúc
- Quy hoạch vùng
- Quản lý đô thị và công trình
- Kỹ thuật xây dựng

25 học viên (Từ số 01 ->25)

11 học viên (Từ 26 ->36)

40 học viên (Từ 37->76)

10 học viên (Từ 77->86)

Hà Nội, Ngày 08 tháng 11 năm 2021

(Chữ ký)